

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày 03 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Nhân và ông Lê Thanh Tân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Vĩnh là Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Hà Đức T, sinh ngày 12/6/2003 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã C, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật giáo H; trình độ học vấn: 6/12; con ông Hà Đức C, sinh năm 1984 và bà Bạch Xuân C1, sinh năm 1985; anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 13/02/2023, bị Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 21 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 18/8/2024.

Về nhân thân: Ngày 19/5/2021 bị Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 24/10/2021.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2025 cho đến nay tại Phân Trại tạm giam khu vực P; (có mặt).

Bị hại: Bà Châu Thị T1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp P, xã P, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Đức C, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp P, xã C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Châu Vũ B, sinh năm 1974; ông Phạm Thành Đ, sinh năm 1992 và chị Vâng Thị Thúy Q, sinh năm 2004; (tất cả đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 21/5/2025, Hà Đức T điều khiển xe mô tô biển số: 53X4 - 9689 từ nhà đến khu vực tổ C, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là xã P, tỉnh An Giang) tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nơi, T phát hiện nhà của bà Châu Thị T1 không khóa cửa sau nên T mở cửa đi vào bên trong nhà, lén lút lấy trộm túi xách bằng vải bên trong có 1.200.000 đồng, xong T đến chỗ T1 ngủ cách đó khoảng 03 mét, lấy 01 điện thoại di động màu đen, hiệu OPPO Renno4, màn hình cảm ứng của T1 để bên trong mùng, rồi T đi ra khỏi nhà, điều khiển xe mô tô bỏ đi. Đến ngày 22/5/2025, T đến Công an xã P (nay là Công an xã P, tỉnh An Giang) đầu thú và giao nộp điện thoại di động đã trộm của bà T1. Riêng số tiền 1.200.000 đồng, T tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG.TTHS ngày 27/5/2025 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P: 01 điện thoại di động màu đen, hiệu OPPO Renno4, màn hình cảm ứng và 01 túi xách màu xám, đã qua sử dụng, trị giá 1.650.000 đồng .

Cáo trạng số 05/CT-VKSKV12 ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang truy tố bị cáo Hà Đức T ra trước Toà án để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Hà Đức T khai nhận có thực hiện hành vi đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Hà Đức T mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; trả lại cho ông Hà Đức C 01 xe mô tô biển số 53X4 - 9689.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Hà Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 21/5/2025, Hà Đức T đã có hành vi lén lút lấy trộm của bà Châu Thị T1 01 túi xách bằng vải trị giá 50.000 đồng bên trong có 1.200.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động màu đen, hiệu OPPO Renno4, màn hình cảm ứng trị giá 1.600.000 đồng, tổng giá trị tài sản lấy trộm là 2.850.000 đồng. Hành vi trên đây của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thì nhận thấy:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và

tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[3.3] Mặc dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng xét thấy bị cáo có nhân thân không tốt, đã từng bị kết án tù về tội trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, khi trở về địa phương sinh sống, bị cáo không chấp hành tốt pháp luật, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Lẽ ra, sau khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo phải ăn năn hối cải, lao động chân chính để trở thành người có ích cho xã hội, nhưng vì háms lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải tốn nhiều công sức lao động, bị cáo đã chủ động đi tìm tài sản của người khác để lấy trộm với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị án ở địa phương. Do đó cần bắt bị cáo phải chấp hành một hình phạt tù tương xứng với tính chất và hành vi của bị cáo đã thực hiện để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số 53X4 – 9689, là tài sản của ông Hà Đức C (là cha ruột của bị cáo). Xét, ông C không biết bị cáo sử dụng xe này làm phương tiện đi tìm tài sản lấy trộm, nên không tịch thu mà tuyên trả lại cho ông C.

[6] Về Trách nhiệm dân sự: Bị hại Châu Thị T1 đã nhận lại tài sản bị trộm, nay không yêu cầu nào khác, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hà Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Hà Đức T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 22/5/2025.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trả lại cho ông Hà Đức C 01 (một) xe mô tô biển số: 53X4 – 9689, hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, tỉnh An Giang đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/8/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A và Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Hà Đức T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND khu vực 12 (1);
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh An Giang (1);
- Cơ quan THAHS - Công an tỉnh AG (2);
- THADS tỉnh An Giang (2);
- Những người tham gia tố tụng (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Sơn